

Bản án số: 259/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung.

Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Việt T, sinh ngày 03/6/1993.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh ngày 03/01/1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC A (nay là KDC N), phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: KDC A (nay là KDC N), phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 và ông C vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Việt T trình bày: Chị và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Chí Linh (nay là thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/7/2013. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng cùng đi lao động tại Đài Loan, thời gian chung sống

tại Đài Loan đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không chịu khó làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 có người phụ nữ khác nên thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Năm 2019 vợ chồng cùng về nước, nhưng chị về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh T1 về nhà anh, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Tuy nhiên, được gia đình khuyên bảo, hòa giải nên chị về chung sống cùng anh T1, nhưng cũng chỉ được một tháng anh T1 lại nhắn tin tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra cãi vã, chị lại về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tháng 8/2019, anh T1 tiếp tục sang lao động tại Đài Loan, từ khi sang Đài Loan anh T1 không liên lạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nhật M1, sinh ngày 14/01/2014, hiện đang ở với ông nội là Lê Văn C. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con nhưng anh T1 cũng có nguyện vọng được nuôi con nên chị nhất trí để anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí giao con Lê Nhật M1 cho ông C chăm sóc cho đến khi anh T1 về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1. Ông Lê Văn C (bố đẻ anh T1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết, anh T1 có quan điểm xác định chị T không chung thủy với anh, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và nhất trí chị T cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho ông C thay anh chăm sóc con Lê Nhật M1 cho đến khi anh về nước. Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Ông Lê Văn C nhất trí thay anh T1 chăm sóc cháu Lê Nhật M1 cho đến khi anh T1 về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật M1.

Con chung của chị T và anh T1 là cháu Lê Nhật M1 có nguyện vọng được ở với anh T1 và ông bà nội.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh T1 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Đài Loan làm ăn, khi về nước chị Trình về nhà bố mẹ đẻ ở, sau khi được hòa giải chị T quay về sống với anh T1 nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn chị lại về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Năm 2019, anh T1 tiếp tục sang Đài Loan làm ăn, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Việt T ly hôn anh Lê Văn T1. Về con chung: Giao con chung Lê Nhật M1 cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Tạm giao cháu Lê Nhật M1 cho ông Lê Văn C chăm sóc trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Việt T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Lê Văn T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư N, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương, hiện anh T1 đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C là bố đẻ anh T1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh T1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông C vẫn thường xuyên liên lạc với anh T1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh T1. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh T1, ông C cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Việt T và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Chí Linh (nay là thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì cùng sang lao động tại Đài Loan, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không chịu khó làm ăn nên vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi nhau, vợ chồng nghi ngờ tình cảm và thiếu tin tưởng lẫn nhau. Sau khi về nước chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, được gia đình khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng chỉ được một tháng thì lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị T lại về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 cho đến nay. Khi anh T1 đi Đài Loan cũng không nói cho chị T biết, vợ

chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Thông qua gia đình anh T1 cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu nên không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Việt T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Việt T và anh Lê Văn T1 có 01 con chung là Lê Nhật M1, sinh ngày 14/01/2014, hiện đang ở với ông nội là Lê Văn C. Chị T và anh T1 thống nhất giao con chung cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Con chung Lê Nhật M1 có nguyện vọng được ở với anh T1. Anh T1 ủy quyền cho ông Lê Văn C chăm sóc con chung Lê Nhật M1 cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Lê Nhật M1 cho ông C nuôi dưỡng trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Việt T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Việt T ly hôn anh Lê Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Lê Văn T1 được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nhật M1, sinh ngày 14/01/2014 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con Lê Nhật M1 cho ông Lê Văn C nuôi dưỡng trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh T1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Việt T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001729 ngày 21/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Phạm Việt T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Việt T và ông Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)